

**3 Put the names of the countries under their flags.**

New Zealand  
the USA

Singapore  
Canada

Australia  
the United Kingdom



1. \_\_\_\_\_



2. \_\_\_\_\_



3. \_\_\_\_\_



4. \_\_\_\_\_



5. \_\_\_\_\_



6. \_\_\_\_\_

**EX 4. Nối từ vựng với nghĩa của từ:**

|                                                   |                           |
|---------------------------------------------------|---------------------------|
| 1. International = Global = Worldwide = Universal | ngôn ngữ chính thức       |
| 2. Summer camp                                    | người bản xứ              |
| 3. Have difficulty + Something/ V-ing             | gặp khó khăn trong việc.. |
| 4. Accent                                         | giọng                     |
| 5. Official language                              | trại hè                   |
| 6. Native speakers                                | quốc tế, toàn cầu.        |